TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HS-ST
Ngày: 25-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Ông Lê Văn Mứt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương– Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng–Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hình sự thụ lý số: 30/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2519/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

Nguyễn Văn C (CC), Sinh năm 1994; Nơi sinh: tỉnh BR- VT; Nơi cư trú: KP 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 3/12; con ông: Huỳnh Văn N (chết); con bà: Nguyễn Thị Ph; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 13/2014/HSST ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện P; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18 tháng 7 năm 2019.

Bị cáo có mặt tại Tòa.

Phạm Minh K, Sinh ngày 31 tháng 10 năm 1996; Nơi sinh: huyện P, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: KP 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 8/12; con ông: Phạm Văn C (chết); con bà: Huỳnh Thị S; bị cáo chưa có vợ; tiền án: không; tiền sự: có 02 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy: Quyết định số 80/QĐ-XPVPHC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Công an thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre phạt tiền 750.000 đồng, chưa nộp phạt. Quyết định số 39/QĐ-XPVPHC ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Công an huyện P phạt tiền 1.000.000 đồng, đã nộp xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17 tháng 10 năm 2019 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại Tòa.

- Bị hại: Công an xã Hòa Lợi, huyện P.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Nguyễn T–Chức vụ: Trưởng Công an xã. Đại diện theo ủy quyền: ông Châu Văn Đ- Phó Trưởng Công an xã (theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2018). Ông Đ vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp TQ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre, vắng mặt.

+Anh Trần Văn P (Đ) , sinh năm 1994; địa chỉ: ấp TQ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 11 tháng 9 năm 2018, Nguyễn Văn C điều khiển xe mô tô biển số 59N1-093.80 chở Phạm Minh K và Trần Thị KT (bạn của K) đến ghe của Đinh Hoàng T neo đậu tại ấp QAH, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre, sử dụng trái phép chất ma túy. Sau đó, Công an xã HL đến kiểm tra. C điều khiển xe mô tô biển số 59N1-093.80 chở K bỏ trốn; Công an xã truy đuổi, C và K bỏ lại xe mô tô trốn thoát. Công an xã Hòa Lợi tiến hành tạm giữ xe rồi đem về trụ sở để quản lý. Sau đó, K đến Công an xã HL xin nhận lại xe nhưng do xe mô tô giấy đăng ký mang tên Vương Văn K nên tiếp tục tạm giữ và yêu cầu K kêu C đến giải quyết. K kể lại cho C biết xe để ở sân trụ sở Ủy ban nhân dân xãHL có dây xích khóa lại. C nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô 59N1-093.80 trả lại cho K. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 14 tháng 9 năm 2018, C rủ Trần Văn P (tên gọi khác: Đ), Nguyễn Tấn Đ và K đi chơi, hẹn gặp nhau tại chợ Giồng Miễu, thị trấn P. C điều khiển xe mô tô rước Phước, K điều khiển xe mô tô đến chợ Giồng Miễu thì gặp Đ ở đây. Tiếp đến, C, K, Phước, Đ đi hai xe mô tô về nhà C. C lấy kìm cộng lực. K hỏi: "Lấy kìm làm gì?"; C nói: "Để đi lấy xe cho mày". Lúc này, K biết C đi lấy xe mô tô đã bị Công an xã tạm giữ trước đó; riêng Pvà Đ không biết. Sau đó, C điều khiển xe mô tô chở Đ chạy trước, K điều khiển xe mô tô chở Pcầm kìm chạy sau; đến cổng Ủy ban nhân dân xãHL, C dừng xe lại, K chạy xe vượt qua rồi dừng lại. C đi vào cổng Ủy ban nhân dân xã HL quan sát rồi đi trở ra kêu đưa kìm, K lấy kìm đưa cho C và cùng C đến nơi để xe. C dùng kìm cắt xích kim loại xong, K cầm kìm chạy ra cổng, C dẫn xe mô tô biển số 59N1-093.80 đi ra sau. C khởi động máy nhưng không được nên C điều khiển xe biển số 59N1-093.80 còn K điều khiển xe lúc đi đẩy, được một đoạn thì dừng lại. Lúc này, K đến điều khiển xe biển số 59N1-093.80 cho C dùng xe mô tô đẩy về nhà trọ Hương Cau ở ấp TL, xã BT, huyện P, Đ điều khiển xe chở Đ chạy theo. Khoảng 14 giờ ngày 15 tháng 9 năm 2018, anh Nguyễn Thanh L, là Công an viên, phát hiện mất xe mô tô 59N1-093.80 nên tổ chức truy tìm và thu hồi xe tại nhà trọ của K.

Vật chứng của vụ án đã tạm giữ gồm:

- 01 (một) xe mô tô hiệu YAMAHA, loại LUVIAS 125i, màu vàng – đen, số máy 44S1033557, số khung: 4S10BY033555, biển số đăng ký 59N1-093.80.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 035772; tên chủ xe: Vương Văn K, địa chỉ: 131/40, Nguyễn Thái Sơn, Phường 7, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Kết luận định giá tài sản số 53/KL-HĐĐG ngày 08 tháng 10 năm 2018, Hội đồng định giá tài sản huyện P xác định giá trị xe mô tô bị mất trộm nêu trên là: 11.330.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trao trả xe mô tô nêu trên cho ông Châu Văn Đ (là người đại diện theo ủy quyền của bị hại) để giải quyết theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKS, ngày 24-9-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã các truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 01 năm đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Minh K từ 09 (chín) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/10/2019.

Đối với Trần Văn P và Nguyễn Tấn Đ, có hành vi cùng đi với Phạm Minh K và Nguyễn Văn C đến địa điểm lấy trộm tài sản. Tuy nhiên, khi đi Phước, Đ không biết việc K, C đi lấy trộm xe; cả hai không tham gia hoặc giúp sức cho hành vi lấy xe nên hành vi không cấu thành tội phạm.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: ông Châu Văn Đ (là người đại diện theo ủy quyền của bị hại) đã nhận lại xe, không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời Ki nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời Ki tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã mô tả và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 00 giờ 20 phút ngày 15 tháng 9 năm 2018, bị cáo Nguyễn Văn C cùng bị cáo Phạm Minh K đột nhập vào trụ sở Ủy ban nhân dân xãHL, tọa lạc tại ấp Quí Hòa, xãHL, huyện P, tỉnh Bến Tre, dùng kìm cộng lực cắt dây xích và lấy trộm xe mô tô biển số 59N1-093.80 trị giá 11.330.000đ do Công an xãHL đang tạm giữ.

[3] Điều 173 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

……..".

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: tuy xe mô tô biển số 59N1-093.80 do bị cáo K làm chủ sở hữu nhưng vào ngày 11/9/2018 đã bị Công an xãHL, huyện Thạnh tạm giữ theo Quyết định số 07/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 12/9/2018 của Công an xãHL, các bị cáo không không chấp hành các quy định của pháp luật để nhận lại xe mà lén lút, đột nhập chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật. Do đó, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi và hậu quả đã gây ra nên cần xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn C có một tiền án về "Tội trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Phạm Minh K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn Ki báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm h, s Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong giai đoạn điều tra bị cáo Nguyễn Văn C đã tự nguyện đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Minh K có cô ruột là bà Phạm Thị Nhiều là người tham gia kháng chiến chống Mỹ được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 96/QĐ-BTL ngày 17/3/2010 của Bộ Tư lệnh Quân khu 9 Bộ Quốc phòng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy đình tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

[7] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: các bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo Nguyễn Văn C có 01 tiền án; bị cáo Phạm Minh K có 02 tiền sự nên cần phải xử lý

nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ cải tạo, giác dục bị cáo thành người có ích cho xã hội. Trong trường hợp này các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn nhưng bị cáo C là người chuẩn bị kìm cộng lực, trực tiếp cắt xích để lấy xe và đẩy xe về thị trấn P nên bị cáo C thực hiện hành vi với vai trò là người thực hành. Do đó, hành vi của bị cáo C là nguy hiểm hơn bị cáo K vì vậy mức hình phạt của bị cáo C sẽ là nghiêm khắc hơn so bị cáo K.

[8] Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp: ông Châu Văn Đ (là người đại diện theo ủy quyền của bị hại) đã nhận lại xe, không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[9] Tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

2. Tuyên bố bị cáo Phạm Minh K phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/10/2019.

3. Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp: ông Châu Văn Đ (là người đại diện theo ủy quyền của bị hại) đã nhận lại xe, không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc mỗi bị cáo phải nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ khi nhận được bản án hoặc được tống Đ hợp lệ.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện P;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân